

# 廣亞學校財團法人育達科技大學

## 學生宿舍管理規則

Tập đoàn tài chính giáo dục Quảng Á trường đại học khoa học công nghệ Dục Đạt  
Những quy định về quản lý ký túc xá trường

88年10月學務會議制定

*Cuộc họp về xây dựng kế hoạch học tập tháng 10 năm 88, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 89年5月學務會議修訂

*Cuộc họp có sửa đổi về việc xây dựng kế hoạch học tập tháng 5 năm 89, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 90年6月14日學務會議修訂

*Cuộc họp có sửa đổi về việc xây dựng kế hoạch học tập ngày 14 tháng 06 năm 90, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 92年5月21日學務會議修訂

*Cuộc họp có sửa đổi về việc xây dựng kế hoạch học tập ngày 21 tháng 05 năm 92, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 96年5月30日育亞(學務)字第 0960002775 號令發布

*Quy định số 0960002775 của Dục Á (công tác học tập) đã được ban hành ngày 30 tháng 05 năm 96, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 98年7月30日育亞(秘)字第 0980004306 號令發布

*Quy định số 0980004306 của Dục Á (bí mật) đã được ban hành ngày 30 tháng 7 năm 98, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 99年7月1日育亞(學務)字第 0990004555 號令發布

*Quy định số 0990004555 của Dục Á (công tác học tập) đã được ban hành ngày 1 tháng 07 năm 99, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 100年5月18日第三十九次行政會議修正

*Cuộc họp sửa đổi lần thứ 39 của Hội đồng điều hành ngày 18 tháng 05 năm 100, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 100年6月2日育亞(秘)字第 1000003967 號令發布

*Quy định số 1000003967 của Dục Á (bí mật) đã được ban hành ngày 2 tháng 6 năm 100, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 101年6月6日一〇〇學年第20次(總次第63次)行政會議修正

*Cuộc họp sửa đổi lần thứ 20 (tới điều thứ 63) năm học 100 ngày 6 tháng 6 năm 101, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 101年6月14日育亞(學務)字第 1010004135 號令發布

*Quy định số 1010004135 của Dục Á (công tác học tập) đã được ban hành ngày 14 tháng 06 năm 101, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 102年7月17日一〇一學年第二十三次(總次第八十九次)行政會議修正

*Cuộc họp sửa đổi lần thứ 23 (tới điều thứ 89) năm học 101 ngày 17 tháng 7 năm 102, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 102年7月30日育亞(秘)字第 1020004691 號令發布

*Quy định số 1020004691 của Dục Á (bí mật) đã được ban hành ngày 30 tháng 7 năm 102, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 102年12月18日一〇二學年第九次(總次第九十八次)行政會議修正

*Cuộc họp sửa đổi lần thứ 9 (tới điều thứ 98) năm học 102 ngày 18 tháng 12 năm 102, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國 103年2月13日育亞(學務)字第 1030000784 號令發布

*Quy định số 1030000784 của Dục Á (công tác học tập) đã được ban hành ngày 13 tháng 02 năm*

### 103, Trung hoa Dân Quốc

中華民國104年7月1日一〇三學年第十二次(總次第一一九次)行政會議修正

*Cuộc họp sửa đổi lần thứ 12 (tới điều thứ 119) năm học 103 ngày 1 tháng 7 năm 104, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國104年7月28日育亞(學務)字第1040006543號令發布

*Quy định số 1040006543 của Dục Á (công tác học tập) đã được ban hành ngày 28 tháng 07 năm 104, Trung hoa Dân Quốc*

中華民國112年07月10日育亞(學務)字第1120005566號令發布

*Quy định số 1120005566 của Dục Á (công tác học tập) đã được ban hành ngày 10 tháng 7 năm 112, Trung Hoa Dân Quốc*

中華民國112年12月20日一一二學年第七次(總次第二五九次)行政會議修正

*Cuộc họp sửa đổi lần thứ 7 (tới điều 259) năm học 112 ngày 20 tháng 12 năm 112, Trung Hoa Dân Quốc*

中華民國113年1月8日育亞(學務)字第1130000153號令發布

*Quy định số 1130000153 của Dục Á (công tác học tập) đã được ban hành ngày 8 tháng 1 năm 113, Trung Hoa Dân Quốc*

中華民國113年8月1日一一三學年第一次(總次第二六四次)行政會議修正

*Cuộc họp sửa đổi lần thứ 1 (tới điều 264) năm học 113 ngày 1 tháng 8 năm 113, Trung Hoa Dân Quốc*

中華民國113年9月2日育亞(學務)字第1130006753號令發布

*Quy định số 1130006753 của Dục Á (công tác học tập) đã được ban hành ngày 2 tháng 9 năm 113, Trung Hoa Dân Quốc*

第一條 廣亞學校財團法人育達科技大學(以下簡稱本校)為培養住宿學生養成自治、自重、自愛之生活習慣，營造溫馨校園住宿環境，訂定本規則。

Điều thứ nhất : tập đoàn tài chính giáo dục Quảng Á trường đại học khoa học công nghệ Dục Đạt (sau đây gọi là Đại Học) đã thiết lập ra các quy định nhằm thúc đẩy việc phát triển thói quen tự lập trong đời sống hằng ngày của mỗi sinh viên và tạo ra một môi trường sinh hoạt chung thật ấm áp và tràn đầy cảm giác gia đình ngay tại khuôn viên nhà trường.

第二條 學務處負責督導宿舍輔導員，執行學生宿舍服務與安全維護，協助學生住宿申請、分配、生活照顧、秩序維護、偶發事件處理及輔導自治幹部選、訓等工作。

Điều thứ hai : Phòng quản lý ký túc xá chịu trách nhiệm giám sát tất cả các vấn đề của ký túc xá, cung cấp các dịch vụ, bảo đảm an ninh, hướng dẫn sinh viên sử dụng các thiết bị tại ký túc xá, sắp xếp chỗ ở cho từng sinh viên, chăm sóc các sinh hoạt hằng ngày, bảo đảm trật tự, xử lý sự cố, phân bố và đào tạo các bộ phận quản lý ký túc xá thường trực.

第三條 總務處負責學生宿舍修繕保養、水電檢修暨設備採購等事宜。

Điều thứ ba : Văn phòng quản lý ký túc xá chịu trách nhiệm bảo trì sửa chữa phòng ở, điện nước và mua sắm các thiết bị cho sinh viên,

第四條 本校學生住宿優先順序如下：

- 一、大學日間部新生、碩士班一般生。
- 二、身心障礙、低收入戶、中低收入戶、原住民、罹患宿疾致使身體孱弱或行動不便學生(須出具相關證明)。
- 三、境外學生(含外國、大陸、港澳地區)與離島學生。
- 四、本校核准成立之校隊隊員。

- 五、宿舍、服務學習暨交通隊自治幹部。
- 六、學生會、系學會等學生自治組織幹部。
- 七、舊住宿生表現良好具服務熱忱，且遵守宿舍規範者。
- 八、本校其他學生。

**Điều thứ tư :** Việc sắp xếp chỗ ở ký túc của sinh viên nhà trường như sau :

- 1/ Sinh viên năm nhất, sinh viên lớp thạc sĩ
- 2/ Khuyết tật về thể chất và tinh thần, hộ gia đình có thu nhập thấp, hộ gia đình có thu nhập có trung bình thấp, dân tộc thiểu số (phải có văn bản hoặc chuẩn đoán liên quan)
- 3/ Sinh viên nước ngoài (bao gồm cả các nước, Trung Quốc, Hồng Kông và Ma Cao) và sinh viên từ các đảo xa.
- 4/ Tất cả các giáo viên đang công tác tại nhà trường
- 5/ Cán bộ quản lý ký túc xá, phục vụ học tập, nhân viên vận chuyển, các cán bộ
- 6/ Cán bộ quản lý hội sinh viên, khoa sinh viên và các nhóm
- 7/ Các sinh viên cũ thực hiện tốt và tuân thủ đúng các quy định của ký túc xá, nhiệt tình trong các hoạt động phục vụ.
- 8/ Các sinh viên khác của trường.

**第五條** 大學日間部新生應統一安排住宿，便於輔導適應大學生活。但設籍在本校鄰近鄉鎮（如：苗栗市、竹南鎮、頭份鎮、造橋鄉、後龍鎮等），或有其他特殊原因不方便住宿者，應由家長立具切結書後提出免住宿申請。

**Điều thứ năm :** Sinh viên năm nhất thuộc các lớp chuyên ban của trường sẽ được sắp xếp chỗ ở đồng loạt tại ký túc xá nhằm tạo điều kiện để sinh viên thích nghi tốt với môi trường sống mới. Trong trường hợp các sinh viên có chỗ ở gần trường (như thị trấn Miaoli, Zhunan, Toufen, Jianniao, Huolong,..) lý do đặc biệt về chỗ ở tại ký túc xá bất tiện và phải có cam kết của cha mẹ người bảo trợ trực tiếp sẽ được miễn phí.

**第六條** 住宿以一學年為原則。住宿期間無特殊理由，不得申請退宿。

**Điều thứ sáu:** chỗ ở tại ký túc xá được căn cứ vào thời gian học tập tại trường của sinh viên, sinh viên các năm sau không có lý do đặc biệt sẽ không được lưu trú tại ký túc xá của trường.

**第七條** 寒、暑期間住宿，依宿舍公告規定辦理申請手續，校外機關團體需經相關單位主管同意。

**Điều thứ bảy :** Sinh viên lưu trú tại ký túc xá trong khoảng thời gian nghỉ đông và nghỉ hè phải đăng ký và nhận được sự đồng ý của ban quản lý ký túc xá.

**第八條** 新生床位編排由宿舍管理室規劃，床位一經編定，如有特殊原因需更改床位者，應經核准始得調換。

**Điều thứ tám :** Việc bố trí giường phòng của sinh viên mới tại ký túc xá đã được ban quản lý lên kế hoạch từ trước, sau khi nhận giường theo phân bố bất kỳ sự thay đổi nào phải trao đổi và thông qua sự chấp thuận của ban quản lý ký túc.

**第九條** 學生申請宿舍確認後，應依規定於期限內完成繳費，未完成者視同放棄，所遺床位由候補同學遞補。

**Điều thứ chín :** Sau khi được xác nhận đã xin phép lưu trú tại ký túc xá, phải theo thời hạn quy định hoàn thành nộp các chi phí, nếu chưa đóng phí ký túc xá sẽ được cho là từ bỏ và giường trống sẽ được để cho những sinh viên khác.

**第十條** 學生申請臨時外宿，應依規定時限完成外宿申請，但有特殊情況者，不在此限。不假外宿者，由管理室通知實施愛舍清潔服務工作，若未聽從或未予執行愛舍清潔服務工作，則通知導師(或生活輔導師)實施輔導，並依學生獎懲

辦法議處，勸告不聽累犯者或情節重大者，本國籍生得通知導師與家長後逕行退宿；境外生則簽請取消免住宿費之優惠，並為不同意繼續住宿之考核依據。

Điều thứ mười: Sinh viên xin tạm trú ngoài trường cần nộp đơn xin phép trong thời hạn quy định, trường hợp đặc biệt không bị giới hạn này. Những sinh viên không xin phép sẽ do ban quản lý thông báo thực thi lao động công ích dọn vệ sinh KTX, những học sinh không chấp hành sẽ thông báo giáo viên chủ nhiệm (hoặc giáo viên phụ đạo) tiến hành khuyên bảo đồng thời xử lý theo Quyết định thưởng phạt học sinh, tiếp tục vi phạm hoặc tình tiết nghiêm trọng: đối với sinh viên trong nước sẽ thông báo đến chủ nhiệm và gia đình sau đó không được ở KTX, đối với sinh viên nước ngoài sẽ hủy bỏ ưu đãi ở KTX đồng thời không được đồng ý xét duyệt tiếp tục ở ký túc.

第十一條 學生宿舍收退費標準如下：

一、收費標準：

- (一) 以週為計算單位，學期開始申請住宿者，以十八週計算。
- (二) 學期中申請住宿者，以實際住宿週數計算。
- (三) 舊生六月十日前(新生八月三十一日前)完成住宿費年繳者，可享優惠折扣(每年四月公告下學年優惠方案)。
- (四) 因故未住滿一年退宿者，住宿期間折價應予追回。
- (五) 申請就學貸款學生，依時限完成預繳住宿保證金新台幣(以下同)2,000元保留床位，住滿一學年於下學期(五月)全額退還保證金；貸款未通過者，依一般生標準繳費，預繳保證金得抵部分住宿費。
- (六) 低收入戶、校隊隊員及其他簽奉校長核准住宿減免之學生，應於期限內繳交住宿保證金2,000元保留床位，住滿一學年後扣除冷氣費，於下學期(五月)核退保證金餘額；低收入戶資格未通過者，依一般生標準繳費，預繳保證金得抵部分住宿費。

二、退費標準：

- (一) 第一學期：開學七日內申請退宿，退費三分之二；開學十四日內退宿，退費二分之一；逾十五日以上者不予退費。
- (二) 第二學期：開學七日內申請退宿，退費二分之一；逾一週不予退費。
- (三) 辦理休、退學者，依實際住宿日期按比例退費。

Điều thứ mười một: Quy định về việc hoàn trả phí của sinh viên ký túc xá như sau:

I- Tiêu chuẩn tính phí:

- 1/ Phí được tính theo tuần, bắt đầu tính từ ngày đăng ký chỗ ở trong học kỳ, từ 18 tuần trở lên.
- 2/ Những người nộp đơn xin lưu trú trong học kỳ sẽ được tính phí theo số tuần thực tế lưu trú
- 3/ Sinh viên cũ đóng trước ngày 10 tháng 6 (sinh viên mới đóng trước ngày 31 tháng 8) sẽ nhận được hỗ trợ giảm giá (thông báo việc giảm giá của ký túc xá kỳ tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 4 hằng năm)
- 4/ Đối với những sinh viên không lưu trú đủ 1 năm sẽ được giảm giá.
- 5/ Sinh viên đăng ký vay học phí phải nộp khoản tiền 2000 Đài Tệ cho một giường, toàn bộ tiền đặt cọc này sẽ được hoàn trả trong kỳ học đầu tiên (tháng 5). Trường hợp khoản vay học phí của sinh viên không được thông qua, phí bảo hiểm phải được nộp đủ theo quy định, tiền đặt cọc sẽ được trừ vào phần phí ký túc xá.
- 6/ Đối với hộ gia đình thu nhập thấp, cán bộ và nhân viên nhà trường đã được phê

duyet của hiệu trưởng sẽ được hoàn trả số tiền đặt cọc vào học kỳ tiếp theo (tháng 5) trường hợp cán bộ gia đình thu nhập thấp không chi trả nổi thì một phần lương sẽ được khấu trừ vào khoản phí này.

## II- Tiêu chuẩn hoàn phí:

1/ Học kỳ đầu tiên: trong vòng 7 ngày kể từ ngày đăng ký học phí sẽ được hoàn trả hai phần ba trên tổng phí nộp, trong vòng 14 ngày kể từ ngày đăng ký học phí sẽ được hoàn trả một nửa trên tổng phí nộp, sau 15 ngày phí sẽ không hoàn lại.

2/ Học kỳ thứ hai: trong vòng 7 ngày kể từ ngày đăng ký học phí sẽ được hoàn trả hai phần ba trên tổng phí nộp, sau 1 tuần lưu trú phí không hoàn lại.

3/ Các trường hợp còn lại sinh viên sẽ được hoàn trả theo số ngày lưu trú thực tế.

第十二條 寒、暑假期間住宿收費以月計，住宿十五日以下者收費二分之一，十六日以上全額收費，繳費後不得退費。

Điều thứ mười hai: Trong kỳ nghỉ đông và nghỉ hè, phí ký túc được tính theo từng tháng nếu thời gian cư trú dưới 15 ngày sẽ được tính hai phần ba trên tổng phí, nếu cư trú trên 16 ngày phí phải được nộp đủ và không được hoàn trả lại..

第十三條 寒、暑假期間本校校內工讀生憑工讀單位主管證明，以二五折收費；專案活動住宿及校外機關團體以每人每日一百元收費，宿舍僅提供床位（寢具、盥洗用具自備）。

Điều thứ mười ba: Trong kỳ các kỳ nghỉ sinh viên học tập tại trường sẽ được giảm giá 25%, các cán bộ nhân viên nhà trường, nhân viên hoạt động dự án và các tổ chức bên ngoài nhà trường lưu trú tại ký túc xá sẽ được tính phí 100 đ/đai tẻ/1 ngày/1 người ( ký túc xá chỉ cung cấp giường và máy giặt)

第十四條 住宿生對宿舍公物負有維護、保管之責任。搬離宿舍時，輔導員依清單點交，因人為破壞導致公物毀損者，依實際維修金額賠償。

Điều thứ mười bốn: Tất cả các sinh viên lưu trú có trách nhiệm duy trì và bảo vệ tài sản chung của ký túc xá. Trường hợp khi sinh viên rời khỏi ký túc xá nếu có tài sản hư hỏng ban quản lý ký túc xá sẽ tính dựa trên số tiền sửa chữa thực tế.

第十五條 宿舍整潔由住宿生共同維護，宿舍輔導員及自治幹部負督導檢查之責。

Điều thứ mười năm: Tất cả các sinh viên có trách nhiệm giữ gìn ký túc xá luôn sạch sẽ và gọn gàng, ban quản lý ký túc xá sẽ thường xuyên giám sát kiểm tra.

第十六條 宿舍輔導員執行安全勤務時，應會同宿舍自治幹部、住宿生進入寢室；遇特殊緊急狀況，宿舍輔導員得逕行進入寢室處理，且事後須向學務處主管提報原由。

Điều thứ mười sáu: Khi cán bộ giám sát cùng với ban quản lý ký túc xá thực hiện công tác bảo đảm an ninh trong ký túc xá khi phát hiện trường hợp vi phạm quy định đặt biệt nghiêm trọng Họ sẽ báo cáo với ban lãnh đạo nhà trường.

第十七條 住宿生應遵守下列共同規範：

一、宿舍每晚十一時門禁並隨機實施寢室點名，次日清晨六時開門。

二、未經報備不得擅自留親友、同學住宿。

三、遇緊急事件(如地震、火災、水災等)應聽從教官、宿舍輔導員及自治幹部之指導，疏散至安全區域。

四、臨時外宿，應於當晚八時三十分前完成請假程序。

五、宿舍內不得架設未經核准之電腦伺服器及傳遞非法或違反善良社會風俗資訊。

- 六、寢室內嚴禁炊膳，違者炊具由宿舍輔導員保管，並通知家長領回。
- 七、宿舍不得私接電源，固定電源設備不得任意更動。個人電器除電腦、吹風機、檯燈外，其餘高電量之電器一律禁止使用。
- 八、未經同意，不得擅自取用公共設施公物或佔為己用。
- 九、寢室內嚴禁吸菸。
- 十、宿舍內不得大聲喧嘩或燃放鞭炮。
- 十一、不得在宿舍與寢室內存放違禁品及有礙衛生、易燃、危險之物品。
- 十二、不得在宿舍內飼養寵物。
- 十三、其他應遵守之共同規範。

住宿生違反前項規定者，登錄列為續住資格之衡量依據。若情節重大或不聽勸告者，得通知導師與家長逕行退宿；境外生則簽請取消免住宿費之優惠，並為不同意繼續住宿之考核依據。

Điều thứ mười bảy: Những quy định bắt buộc phải tuân thủ của các sinh viên khi lưu trú tại ký túc:

- 1/ Giờ quy định của ký túc xá sẽ đóng cửa sau 11 giờ tối và mở cửa lúc 6 giờ sáng mỗi ngày.
- 2/ Tất cả các trường hợp qua đêm bên ngoài kể cả nhà người thân, bạn bè đều phải báo với ban quản lý ký túc.
- 3/ Trong trường hợp khẩn cấp (như động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, v..) cán bộ cùng với ban quản lý ký túc sẽ hướng dẫn sinh viên sơ tán đến khu vực an toàn.
- 4/ Việc xin phép ngủ qua đêm ở bên ngoài ký túc phải được xin phép trước 8:30 tối ngày hôm đó.
- 5/ Mạng internet nội bộ của ký túc xá được nhà trường đăng ký và theo dõi theo từng địa chỉ IP bất kỳ trường hợp truyền tải, phân tán tài liệu phi pháp tái pháp luật đều sẽ bị phát hiện.
- 6/ Nghiêm cấm việc nấu ăn trong phòng ngủ tại ký túc xá, nếu phát hiện sẽ bị tịch thu thiết bị và chỉ được hoàn trả khi có sự cam kết từ cha mẹ của chính sinh viên vi phạm.
- 7/ Ký túc xá không nên được kết nối với các nguồn cung cấp điện riêng ngoài các thiết bị cố định có sẵn. Ngoài máy tính, máy sấy tóc, đèn bàn các thiết bị có công suất cao đều không được phép sử dụng.
- 8/ Bất cứ sự xâm nhập vào phòng riêng của bất kỳ sinh viên khác đều phải được sự chấp nhận của Họ.
- 9/ Ký túc xá nghiêm cấm hút thuốc lá
- 10/ Trong ký túc xá không được phép làm ồn, la hét hay đốt pháo.
- 11/ Sinh viên trong ký túc xá không được phép lưu trữ các vật dụng cấm, gây hại đến sức khỏe, vật dụng gây cháy nổ, vật dụng nguy hiểm trong khuôn viên của ký túc xá.
- 12/ Không được phép nuôi thú cưng trong ký túc xá.
- 13/ Các quy định chung khác cần tuân thủ.

Nếu sinh viên ký túc xá vi phạm các quy định các hạng mục trên, các ghi nhớ sẽ được sử dụng làm cơ sở để xét tư cách tiếp tục ở KTX. Trường hợp nghiêm trọng hoặc không nghe lời khuyên sẽ thông báo với giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh tiến hành mời sinh viên rời khỏi ký túc xá; đối với sinh viên ngoại quốc sẽ bị hủy bỏ ưu đãi phí ở KTX, đồng thời không được đồng ý căn cứ xét duyệt tiếp tục ở KTX.

第十八條 為提升宿舍生活品質，宿舍管理室得訂定宿舍生活公約規範之，並向權責單位核備。

Điều thứ 18 : Để cải thiện chất lượng cuộc sống trong ký túc xá, văn phòng quản lý ký túc xá phải đặt ra các quy định cho những khu vực sinh hoạt và giao cho các đơn vị có quyền kiểm tra

第十九條 本規則經行政會議通過，自發布日施行。

Điều thứ 19 :những điều lệ này đã được thông qua cuộc họp hành chính từ ngày công bố thực thi.